

Số: 3049/TB-SNN

Nam Định, ngày 21 tháng 9 năm 2021

THÔNG BÁO

Danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy

Căn cứ Văn bản số 615/UBND-VP3 ngày 30/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường thực hiện giải pháp thích ứng với tình trạng thiếu hụt nguồn nước phục vụ gieo cấy lúa vụ Đông Xuân 2021-2022;

Căn cứ Biên bản làm việc giữa Sở Nông nghiệp & PTNT (Phòng Quản lý xây dựng công trình, Chi cục Thủy lợi), Sở Tài chính và Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy ngày 08/9/2021 về việc kiểm tra danh mục sửa chữa công trình thủy lợi theo đề nghị của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy;

Căn cứ Văn bản số 1355/STC-TCDN ngày 17/9/2021 của Sở Tài chính về việc ý kiến về sự phù hợp của nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn để sửa chữa công trình năm 2022;

Xét đề nghị của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy tại Tờ trình số 13/TTr-TN ngày 04/8/2021 về việc xin phê duyệt danh mục kế hoạch sửa chữa công trình thủy lợi trong Đông Xuân 2021-2022, đã được UBND huyện Xuân Trường, Giao Thủy xác nhận; Báo cáo số 42/2021/BC-TNXT ngày 13/9/2021 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy về việc thực hiện tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi trong Đông Xuân 2020-2021.

Để phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai, Sở Nông nghiệp & PTNT thông báo danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2022 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy như sau:

1. Tổng kinh phí sửa chữa công trình năm 2022 dự kiến: 16.128,5 triệu đồng (Trong đó, nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là 14.758,5 triệu đồng; nguồn khấu hao TSCĐ là 1.370,0 triệu đồng), bao gồm:

- Nạo vét, đắp bờ 30 công trình (cửa cống, kênh cấp 1, cấp 2) với kinh phí là: 4.891,5 triệu đồng;

- Phần xây đúc: Sửa chữa 43 công trình (trong đó, có 01 công trình đã thi công năm trước, tiếp tục bố trí kinh phí 700,0 triệu đồng từ nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022) với kinh phí 7.660,0 triệu đồng, từ nguồn khấu hao TSCĐ 1.110,0 triệu đồng.

- Sửa chữa cánh cống: 1.537,0 triệu đồng;

- Lắp đặt thủy trí cống dưới đê, thay thế thiết bị tời, cáp..., sửa chữa thiết bị đo mặn các cống: 630,0 triệu đồng (trong đó, nguồn khấu hao TSCĐ: 260,0 triệu đồng).

- Dự phòng sửa chữa đột xuất công trình với kinh phí: 300,0 triệu đồng.

2. Nguồn vốn: Cân đối trong nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022, nguồn trích khấu hao TSCĐ của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy.

3. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 31/12/2022.

4. Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy có trách nhiệm:

- Công bố, công khai danh mục, kế hoạch sửa chữa công trình trong Thông báo này theo quy định, trong đó công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty chậm nhất ngày 01/01/2022.

- Ưu tiên thanh toán dứt điểm cho công trình đã thi công năm trước; cân đối nguồn kinh phí để thực hiện sửa chữa công trình theo thứ tự ưu tiên, không được để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản;

- Tổ chức thực hiện theo Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các quy định liên quan.

- Đảm bảo việc sửa chữa thường xuyên bằng nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không được làm thay đổi quy mô, công năng công trình.

- Báo cáo kết quả thực hiện Thông báo này về Sở Nông nghiệp & PTNT trước ngày 28/02/2022.

Sở Nông nghiệp & PTNT thông báo các nội dung trên để Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (Đề báo cáo)
- Sở Tài chính;
- UBND huyện Xuân Trường, Giao Thủy; (Để phối hợp)
- Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy;
- Lưu: VT, TCKT, QLXDCT, CCTL. *Mm2*

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Doãn Lâm

**DANH MỤC SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NĂM 2022
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI XUÂN THỦY**

(Kèm theo Thông báo số 3049 /TB-SNN ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT Nam Định)

TT	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp sửa chữa công trình	Chiều dài (m)	Dự kiến tổng kinh phí (10 ³ đ)	Trong đó (nghìn đồng)		Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thủy lợi năm 2022	Nguồn khấu hao TSCĐ	
Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI+VII)					16.128.500	14.758.500	1.370.000	
I	Nạo vét				4.891.500	4.891.500	0	
1	Kênh Nguyễn Văn Bé (Đoạn từ đốc Vạn Xuân đến cống Đại Đồng)	Giao Xuân - Giao Lạc	Nạo vét	2.500	1.300.000	1.300.000		
2	Kênh VB8	Giao An	Nạo vét	2.000	150.000	150.000		
3	Cửa cống Số 8B	Giao Long	Nạo vét	250	350.000	350.000		
4	Cửa CN 9 (Thượng lưu)	Giao Nhân	Nạo vét	10	15.000	15.000		Đơn bồi
5	Cửa cống số 9	Giao Long	Nạo vét	150	300.000	300.000		
6	Kênh CG 12B (Đoạn đầu)	Giao Thịnh	Nạo vét	800	70.000	70.000		
7	Kênh TK 11-2	Giao Tân	Nạo vét	600	31.500	31.500		
8	Kênh CG 3B	Giao Châu	Nạo vét	1.100	90.000	90.000		

9	Kênh CN 15-2	Giao Châu	Nạo vét	817	50.000	50.000		
10	Kênh CN 10-1	Giao Yến	Nạo vét	1.320	80.000	80.000		
11	Cửa cống Tây Cồn Tàu	TT Quất Lâm	Nạo vét	900	400.000	400.000		
12	Cửa cống Ang Giao Phong	Giao Phong	Nạo vét	800	400.000	400.000		
13	Cửa cống Triết Giang B	Bạch Long	Nạo vét	400	350.000	350.000		
14	Kênh Đồng Thủy Sản	TT Quất Lâm	Nạo vét	600	60.000	60.000		
15	Kênh tiêu ngọt Bắc đồng Cồn Tàu	TT Quất Lâm	Nạo vét	800	80.000	80.000		
16	Kênh Tàu 1 (Đoạn đầu)	Xuân Hòa	Nạo vét	600	160.000	160.000		
17	Kênh TT 10-9	Xuân Vinh	Nạo vét	660	55.000	55.000		
18	Kênh Chân dê	Xuân Vinh	Nạo vét	1.400	70.000	70.000		
19	Kênh Xuân Ninh 2	Xuân Ninh	Nạo vét	2.100	100.000	100.000		
20	Kênh Tàu 2-4	Xuân Ninh	Nạo vét	2.000	60.000	60.000		
21	Cửa cống 50-10	X.Thành	Nạo vét	15	20.000	20.000		
22	Kênh Láng 6-6	X.Đài	Nạo vét	750	60.000	60.000		
23	Kênh Láng 10-1	X.Đài	Nạo vét	550	50.000	50.000		
24	Kênh Mã 18	X.Thành - Xuân Thượng	Nạo vét	1.500	120.000	120.000		

25	Kênh Thanh Quan 10	X.Phú, Đài	Nạo vét	900	80.000	80.000		
26	Kênh Liêu Đông 4	Xuân Tân - Xuân Thành	Nạo vét	300	80.000	80.000		
27	Kênh Chợ Đê 3	Xuân Thượng	Nạo vét	1.360	130.000	130.000		
28	Kênh Xuân Châu 3-1	Xuân Châu	Nạo vét	925	60.000	60.000		
29	Kênh Cát Xuyên 4-2	Xuân Bắc	Nạo vét	800	50.000	50.000		
30	Kênh Tây Khu 1-1	Tiến Dũng	Nạo vét	1.120	70.000	70.000		
II	Phần xây đúc				8.770.000	7.660.000	1.110.000	
II-1	Công trình đã thực hiện các năm trước nhưng thiếu vốn				700.000	700.000		
1	Sửa chữa, nâng cấp cống đầu VB 17 và gia cố mái kênh hạ lưu (Tổng KP: 1.038.595.100 đ đã bố trí nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021: 338.595.100 đ		Sửa chữa, gia cố mái kênh		700.000	700.000		
II-2	Công trình thông báo mới				8.070.000	6.960.000	1.110.000	
1	Sửa chữa mái kè kênh CA 21 (Đoạn cuối)	Giao Xuân	Sửa chữa mái kênh	654	450.000	450.000		

2	Xử lý sạt lở mái kênh CN11-18 (Đoạn đầu)	Giao Hải	Xử lý sạt lở	450	900.000	900.000		
3	Xử lý sạt lở mái kênh Nhân Tiến (Đoạn giữa)	Hoành Sơn	Xử lý sạt lở	400	1.000.000	1.000.000		
4	Xử lý sạt lở mái kênh Thảo Khoản 2	Giao Phong	Xử lý sạt lở	260	500.000	500.000		
5	Sửa chữa mái kè kênh Chợ Đê 4	Xuân Hồng	Sửa chữa mái kênh	1.090	480.000	480.000		
6	Sửa chữa cống cuối CN 1-8	Bình Hòa	Sửa chữa		120.000	120.000		
7	Sửa chữa đập ngăn giữa Chúa	TT Ngô Đồng	Sửa chữa		130.000	130.000		
8	Sửa chữa cống Chúa	TT Ngô Đồng	Sửa chữa		100.000	100.000		
9	Sửa chữa mặt cầu cống đầu CN7C, đầu CN7D	Giao Hà	Sửa chữa		50.000	50.000		
10	Sửa chữa nhà quản lý cống số 8	Giao Long	Sửa chữa		120.000		120.000	
11	Sửa chữa VP cụm thủy nông Cồn Nhất	TT Ngô Đồng	Sửa chữa		100.000		100.000	
12	Sửa chữa cống trên Duy Tắc 2	Giao Tân	Sửa chữa		180.000	180.000		
13	Sửa chữa Đầu CN 13C	Giao Châu	Sửa chữa		260.000	260.000		
14	Sửa chữa sân trạm bơm Đồng Chu	Giao Tân	Sửa chữa		15.000	15.000		
15	Sửa chữa đập ngăn giữa Cồn Giữa 2A	Hoành Sơn	Sửa chữa		100.000	100.000		

16	Sửa chữa trạm bơm Đ.CA7-2	Giao Thanh	Sửa chữa		450.000	450.000		
17	Sửa chữa G.VB6	Giao An	Sửa chữa		50.000	50.000		
18	Sửa chữa C.CA13	Giao Lạc	Sửa chữa		70.000	70.000		
19	Sửa chữa Cổng Cồn Tư	H.Thuận	Sửa chữa		50.000	50.000		
20	Sửa chữa cống đầu Mốc Giang 2	Giao Hương	Sửa chữa		130.000	130.000		
21	Nhà xe VP cụm Ba Lạt	Hồng Thuận	Sửa chữa		50.000		50.000	
22	Sửa chữa nhà quản lý cống Thanh Niên	Bạch Long	Sửa chữa		120.000		120.000	
23	Công trình thông nước qua sông Mã	Xuân Bắc	Sửa chữa		450.000	450.000		
24	Sửa chữa công trình thông nước sông Mã	Xuân Thủy	Sửa chữa		100.000	100.000		
25	Sửa chữa đập ngăn cuối TK 1-1	Tiến Dũng - Xuân Hồng	Sửa chữa		50.000	50.000		
26	Sửa chữa đập ngăn cuối Cát Xuyên	Xuân Trung	Sửa chữa		80.000	80.000		
27	Sửa chữa nhà xe + bếp ăn văn phòng cụm Đồng Nê	Xuân Ngọc	Sửa chữa		120.000		120.000	
28	Công trình thông nước giữa Bắc Cầu	TT Xuân trường	Sửa chữa		200.000	200.000		
29	Công trình thông nước qua kênh Mã 2 (số 1)	Xuân Vinh	Sửa chữa		300.000	300.000		
30	Công trình thông nước đầu Tàu 2-1	Xuân Hòa	Sửa chữa		220.000	220.000		

31	Sửa chữa cống cuối Kẹo 3-2	Xuân Nghĩa	Sửa chữa		140.000	140.000		
32	Sửa chữa mái kênh Bắc Cầu 2	TT Xuân trường	Sửa chữa		20.000	20.000		
33	Sửa chữa mái kênh Mã 6	TT Xuân trường	Sửa chữa		15.000	15.000		
34	Sửa chữa đập ngăn giữa Kẹo	Xuân Ninh	Sửa chữa		40.000	40.000		
35	Nhà quản lý cống Bắc Cầu	TT Xuân trường	Sửa chữa		100.000		100.000	
36	Sửa chữa công trình thông nước trên kênh Láng 14	Xuân Phú	Sửa chữa		40.000	40.000		
37	Sửa chữa công trình TN đầu kênh CX 6-3	Xuân Phương	Sửa chữa		110.000	110.000		
38	Sửa chữa mái kênh Cát Xuyên 13	Thọ Nghiệp	Sửa chữa		60.000	60.000		
39	Sửa chữa nhà QL cống Hạ Miêu II	Xuân Thành	Sửa chữa		120.000		120.000	
40	Tường rào nhà QL cống TQB	Thọ Nghiệp	Sửa chữa		170.000		170.000	
41	Sửa chữa mái nhà điều hành trung tâm	TT Ngô Đồng	Sửa chữa		210.000		210.000	
42	Xử lý sạt lở bờ tả kênh Tài	Xuân Tân	Sửa chữa		100.000	100.000		
III	Công trình cánh cống				1.537.000	1.537.000	0	
1	Cánh cống Mốc Giang	Giao Hương	Sửa chữa	4,4 x 4,1	300.000	300.000		

2	Cánh cổng Đại Đồng	Giao Lạc	Sửa chữa	4,4 x 3,8	270.000	270.000		
3	Cánh cổng Hoàn Đông	Giao Thiện	Sửa chữa	4,37 x 3,75	50.000	50.000		
4	Cánh cổng đầu CA2	H.Kỳ	Sửa chữa	2,33x1,7	24.000	24.000		
5	Cánh cổng giữa CA19 số 02	G.Xuân	Sửa chữa	2,52 x 1,5	23.000	23.000		
6	Cánh cổng đầu CH6	H.Tiến	Sửa chữa	2,73 x 1,9	20.000	20.000		
7	Trạm bơm CA11	G. Thanh	Sửa chữa		20.000	20.000		
8	Cánh cổng Cồn Năm	Giao Hương	Sửa chữa	4,25x4,05	30.000	30.000		
9	Cánh cổng số 8B	Giao Long	Sửa chữa	6,4x3,9	450.000	450.000		
10	Cánh cổng đầu CN7D	Giao Hà	Sửa chữa	2,34x1,7	24.000	24.000		
11	Cánh cổng CN11-10	Giao Nhân	Sửa chữa	2,72x1,3	21.000	21.000		
12	Cánh cổng Cát Đàm	Giao Thịnh	Sửa chữa	2,88x3,62	160.000	160.000		
13	Cánh cổng Triết Giang B	Bạch Long	Sửa chữa	2,9x1,6	80.000	80.000		
14	Cánh cổng Ang	Giao Phong	Sửa chữa	4,35x4,0	50.000	50.000		
15	Cánh cổng đầu Láng 4B	Xuân Đài	Sửa chữa	1,7x1,7	15.000	15.000		
IV	Lắp đặt thủy trí cổng dưới đê				70.000	70.000		
V	Sửa chữa thay thế thiết bị tời, cáp, buli ...				300.000	300.000		
VI	Sửa chữa hệ thống đo mặn các cổng				260.000		260.000	
VII	Dự phòng sửa chữa đột xuất				300.000	300.000		